

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 7 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên và bà Đỗ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc " Ly hôn và tranh chấp nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình;

(Anh Th có đơn xin vắng mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Vũ Văn Th có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 sau khi có mâu thuẫn chị L bỏ đi, anh và bố mẹ anh đã tìm gọi nhưng chị L

không về, thỉnh thoảng có về thăm con rồi lại đi ngay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại đoàn tụ được nữa do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 27/8/2014, anh đang trực tiếp nuôi con, anh có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Lò Thị L: Không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản.

* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, cán bộ đại diện cho Đoàn thể, đại diện chính quyền cung cấp cho biết: Anh Th và chị L đều có hộ khẩu thường trú tại xã Q, kết hôn tại xã Quốc Tuấn vào ngày 05/12/2013, sau kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh Th tại thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh Th chị L chung sống có những lúc xảy ra mâu thuẫn, có việc cãi vã to tiếng. Khoảng một năm trở lại đây anh Th và chị L sống ly thân, không có khả năng trở lại đoàn tụ.

Về con chung: Anh Th và chị L có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 27/8/2014, hiện nay đang ở với anh Th, nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng con vì hiện nay cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển tốt.

Về tài sản chung không có, không vay nợ đối với các đoàn thể.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Văn Th và chị Lò Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn ngày 05/12/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bình thường đến năm 2016 chị L bỏ đi, anh Th đã tìm gọi nhưng chị L không về. Quá trình làm việc với Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản, thông báo nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì về việc anh Th xin ly hôn chị. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung

sống, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Th, xử anh Vũ Văn Th được ly hôn chị Lò Thị L.

Về quan hệ con chung: Anh Th và chị L có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 27/8/2014 hiện đang ở cùng anh Th. Ly hôn anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con T, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T hiện đang ở cùng anh Th và bố mẹ anh Th, được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt, cháu T cũng có quan điểm muốn được ở với bố. Chị L không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc giải quyết con chung. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Minh T cho anh Vũ Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Anh Vũ Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về pháp luật tố tụng:

[1] Bị đơn là chị Lò Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị L không đến Tòa để tham gia tố tụng. Anh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt là lần thứ 2. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị L là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án chỉ có nguyên đơn và bị đơn, họ đều vắng mặt nên phiên tòa được tiến hành theo thủ tục quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Quốc Tuấn, lấy lời khai về nguyện vọng của con chung và thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của nguyên đơn, bị đơn vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của anh Th và chị L có giấy chứng nhận kết hôn, đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa anh Th và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, nên cần giải quyết cho anh Th được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung:

Anh Th và chị L có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 27/8/2014, đang ở với anh Th từ khi chị L bỏ đi đến nay, được anh Th chăm sóc tốt, cháu có nguyện vọng ở với anh Th, do vậy cần giao cho anh Th được trực tiếp nuôi con chung, chấp nhận việc anh Th không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con.

[3] Về tài sản chung:

Anh Th khai không có tài sản chung và nợ chung, chị L không có lời khai, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

Anh Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Xử cho anh Vũ Văn Th được ly hôn chị Lò Thị L.

2. *Về con chung:*

- Giao cho anh Th được trực tiếp nuôi con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 27/8/2014.

- Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí:*

Anh Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Th đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001537 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Minh Đức